

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 6 - 2021;

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung
giữa anh Tài và chị Lệ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Mai Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST- HNGĐ ngày 27/4/2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Chị Lục Thị D, sinh năm 1979; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Địa chỉ hiện nay: Ấp 4, xã E, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Anh A, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lục Thị D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định vào ngày 07/8/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và ở cùng bố mẹ anh

tại Xóm B, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, nhưng đến cuối năm 2016 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do giữa hai người bất đồng quan điểm nên dẫn đến không tin tưởng và yêu thương nhau. Đầu năm 2017, chị D đã tự ý bỏ về quê ở xã E, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang sinh sống. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Hùng G, sinh ngày 10/12/2012 hiện đang ở cùng anh tại xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và cháu Nguyễn Thị Thảo H, sinh ngày 22/3/2014 hiện đang ở cùng chị D ở xã E, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Khi ly hôn, anh A có nguyện vọng được nuôi cháu G, để chị D nuôi cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; không phải có nghĩa vụ tài sản với người khác nên anh A không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, bị đơn chị Lục Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh A tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định vào ngày 07/8/2015. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Do quan hệ vợ chồng luôn mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã đưa cháu H cùng về quê ở xã E, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang sinh sống từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn cơ hội hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh A xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh A trình bày là đúng. Chị nhất trí với ý kiến của anh A về việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Chị nhận nuôi con H, anh A nuôi con G, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung gì, không phải có nghĩa vụ tài sản với người khác nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét

xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn A và chị Lục Thị D là hợp pháp, được xác lập từ ngày 07/8/2015. Cuộc sống vợ chồng anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh A xin ly hôn, chị D nhất trí ly hôn anh A.

Xét thấy cả anh A và chị D không còn thiết tha cuộc sống chung cùng nhau nên hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay nên hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn A đối với chị Lục Thị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Lục Thị D có hai con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Hùng G, sinh ngày 10/12/2012 hiện ở cùng anh A và cháu Nguyễn Thị Thảo H, sinh ngày 22/3/2014 hiện ở cùng chị D. Khi ly hôn, anh A và chị D đề nghị để anh A được nuôi cháu G còn chị D nuôi cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung chưa thành niên của anh A và chị D là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu G và cháu H và phù hợp với hoàn cảnh thực tế hiện nay của các đương sự nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Hùng G cho anh A; giao cháu Nguyễn Thị Thảo H cho chị D nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; anh A và chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn A phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn A và chị Lục Thị D.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hùng G, sinh ngày 10/12/2012 cho anh Nguyễn Văn A; Giao con chung Nguyễn Thị Thảo H, sinh ngày 22/3/2014 cho chị Lục Thị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau, được quyền và có nghĩa vụ thăm nom con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002598 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh A đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn A, bị đơn chị Lục Thị D có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái